



giám đốc Công ty TNHH xây dựng tôn hợp P; bị cáo không bị bắt tạm giam giữ ngày nào, hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo:* Ông **Lê Minh T**, Luật sư VPLS H, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: Đ, Quảng Bình; có mặt

- *Người bị hại:* Ông **Phan Ngọc T**; địa chỉ: 02 Y, khu phố 5, phường 3, H, Quảng Trị; vắng mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn T1**, trú tại: Khu phố 4, phường 3 thành phố H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**; trú tại: Số 2, Y, Khu phố 4, phường 3 thành phố H, Quảng Trị; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2013 cho đến năm 2015, Hoàng Thị L, trú tại tổ dân phố 9, phường N, Đ, Quảng Bình đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật nhằm tạo lòng tin cho ông Phan Ngọc T, Giám đốc Công ty TNHH V (gọi tắt là công ty V) có trụ sở tại H, Quảng Trị. Với thủ đoạn là mình có hiểu biết về các công trình, dự án và có các mối quan hệ rộng. Nên hứa sẽ xin được các công trình cho Công ty V, nhưng sau một thời gian, L đã không xin được công trình nào mà còn chiếm đoạt của ông Phan Ngọc T với số tiền 541.440.000 đồng. Cụ thể:

Vào khoảng tháng 10/2013, vợ chồng ông Phan Ngọc T được Hoàng Thị B, Sinh năm 1962, trú tại khu phố 5, phường 3, thành phố H, tỉnh Quảng Trị, giới thiệu B có chị gái là Hoàng Thị L có thể xin công trình cho Công ty TNHH V thi công. Ông T đã gọi điện cho L thì được L cho biết là đã có công trình cho Công ty V thi công nên bảo ông T mang 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) ra Hà Nội gặp L để bàn việc. Tại Hà Nội, L nhận số tiền trên của ông T và hứa dùng số tiền trên để xin cho Công ty V thi công 03 (ba) cầu bê tông và đường giao thông nông thôn tại địa bàn các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình. Tuy nhiên, kết quả L không xin được các công trình nói trên. (BL: 91; 131-132; 203-204).

Cuối năm 2013, Hoàng Thị L nói với ông T là mình có nhiều mối quan hệ quen biết trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông và hứa sẽ xin cho Công ty V thi công dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Huế - Lăng Cô (gọi tắt là dự án Huế - Lăng Cô) với điều kiện Công ty V phải liên danh, liên kết với công ty khác để cùng thi công (nêu riêng Công ty V thì không đủ tiêu chí để đấu thầu). Vợ chồng ông T đã trao đổi việc này với ông Nguyễn Văn T1 (thời điểm đó là

kế toán trưởng, nay là Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng X (gọi tắt là Công ty X). Ông T1 đã báo cáo với Ban giám đốc Công ty X, Ban giám đốc đã nhất trí để Công ty X liên kết với Công ty V xin thi công dự án trên (hồ sơ xin thi công dự án sẽ chỉ đứng tên Công ty X, sau này nếu nhận được dự án thì Công ty V sẽ nhận lại một phần dự án để thi công), ông T1 đã tự bỏ ra trước 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) tiền cá nhân của mình nhờ ông T đưa cho L để làm chi phí xin cho Công ty X làm thầu chính dự án trên. Ngày 04/12/2013, theo hướng dẫn của L, ông T đã đưa cho L 25.000USD (Hai mươi lăm ngàn đô la Mỹ) để làm chi phí xin dự án trên cho Công ty X, L cũng nhận tờ trình và hồ sơ năng lực của Công ty X để làm thủ tục. Ngày 24/12/2013, L tiếp tục nhận từ ông T 5.000 USD (Năm ngàn đô la Mỹ) với cùng mục đích trên. Một thời gian sau, L đưa cho ông T và ông T1 xem lại bản phôi tờ của tờ trình nói trên của Công ty X, trên đó có nhiều dòng chữ viết tay và nói đó là bút phê của Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Hồng T. Theo hướng dẫn của L, ngày 08/01/2014, ông T mang 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ) ra Vinh, Nghệ An để cùng L đến gặp và đưa cho ông Trần Hữu H (Giám đốc Ban Quản lý dự án 4 Bộ Giao thông vận tải, gọi tắt là Ban 4) để xin làm thầu chính dự án Huế - Lăng Cô. Khi đến Ban 4, L bảo ông T ngồi đợi ở ngoài, còn mình cầm số tiền trên vào gặp ông H. Khi ra khỏi phòng, L nói với ông T là: “Chị đã nộp cho ông H, em cứ yên tâm về đi đã”. Vài tháng sau, ông T và ông T1 mới biết là dự án trên đã được đơn vị khác trúng thầu và chuẩn bị thi công (BL số: 197-198;205-208).

Khoảng giữa năm 2014, thông qua sự giới thiệu của Nguyễn Thị Thúy H (sinh năm 1977, trú tại, Hà Nội), Hoàng Thị L đã hướng dẫn ông T cử người vào Đà Nẵng gặp đại diện Công ty L để nhận công trình thi công (L không nói rõ là công trình nào). Nghe vậy, ông T đã cử anh Phan Ngọc T2 (em trai ông T, Phó giám đốc Công ty V) cùng L đến Công ty L. Tại đây, theo lời khai của L và anh Phan Ngọc T2, đại diện công ty L gồm ông Huỳnh Minh T1 - Tổng giám đốc và ông Phạm Văn T - Chủ tịch HĐQT nhất trí cho Công ty X, Công ty V liên danh với công ty này thi công một đoạn cao tốc Túy Loan - Quảng Ngãi với điều kiện Công ty X, Công ty V phải nộp trước một số tiền cho Công ty L để L chuyển lại cho Ban quản lý dự án. Kết quả, Công ty X, Công ty V không nhận được công trình trên để thi công.

Khoảng đầu năm 2015, Hoàng Thị L tiếp tục nói với ông T cử người cùng với L vào Đà Nẵng gặp anh Nguyễn Cơ C - Giám đốc Công ty cổ phần công trình Viettel - Chi nhánh công trình khu vực 2 thời điểm đó (gọi tắt là chi nhánh 2) tại Đà Nẵng, để nhận thi công nhà máy nổ và công trình chôn hệ thống cáp ngầm tại Quảng Bình, Quảng Trị. Khi đến chi nhánh 2, anh Nguyễn Cơ C hướng dẫn L, anh T2 làm việc với bộ phận kế hoạch nhưng kết quả Công ty V vẫn không nhận được các công trình như L đã hứa hẹn. Tổng cộng Hoàng Thị L

đã nhận từ ông Phan Ngọc T 100.000.000đ và 40.000 USD. Tính theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng giữa Việt Nam đồng với đô La Mỹ tại thời điểm xảy ra vụ án, số đô la mà T đã đưa cho L 40.000 USD x 21.036đồng/l USD đổi thành 841.440.000 VNĐ. Tổng số tiền L đã nhận của ông Phan Ngọc T 941.440.000 đồng. Trong đó có 400.000.000đ của ông Nguyễn Văn T1 với lời hứa sẽ dùng số tiền này đưa cho những người có quyền hạn, trách nhiệm trong việc phân bổ công trình, dự án để họ tạo điều kiện cho Công ty X, Công ty V được chỉ định thầu hoặc thắng thầu trong đấu thầu các công trình, dự án. ông T và L thống nhất sau khi xin được công trình, dự án T sẽ thanh toán chi phí như đi lại, ăn uống và bồi dưỡng riêng cho L dựa theo giá trị công trình, dự án đã xin được. Tuy nhiên, L đã tiêu xài hết toàn bộ số tiền đã nhận và cũng không hề nói cho ông T biết việc L có hay không đưa tiền cho bất cứ ai. số tiền 400.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T1 đã được ông T trả lại, ông T1 không yêu cầu xử lý về mặt hình sự đối với L. (BL số : 24-52 ;55-88; 119-169; 199- 202; 209- 225; 326 - 338).

Cơ quan điều tra đã thu giữ:

1. 01 (một) giấy xác nhận lập ngày 22/11/2015, trong đó có nhiều dòng chữ viết tay với nội dung Hoàng Thị L đã nhận 110.000.000đ và 40.000USD của vợ chồng Phan Ngọc T;

2. 01 (một) tờ giấy có nhiều dòng chữ viết tay với nội dung xin khất nợ, trong đó 06 (sáu) dòng chữ phía trên có mực màu đen, 11 dòng chữ phía dưới có mực màu xanh và có chữ ký của Hoàng Thị L;

3. 01 (một) tờ giấy lập ngày 04/12/2013, trong đó có nhiều dòng chữ viết tay với nội dung Hoàng Thị L nhận tiền của ông T để lo công việc.

4. 01 (một) tờ giấy khất nợ lập ngày 13/4/2016, trong đó có nhiều dòng chữ viết tay với nội dung Hoàng Thị L hẹn đến ngày 28/4/2016 sẽ trả tiền cho ông Phan Ngọc Tuấn, có chữ ký của Hoàng Thị L.

5. 01 tờ giấy A4 (bản photo) có nội dung công ty TNHH một thành viên xây dựng X đề nghị xin tham gia thi công dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Huế - Lăng Cô, phía trên bên trái của tờ giấy có nhiều dòng chữ viết tay.

6. 01 (một) bản phô tô hợp đồng liên danh số 01 lập ngày 29/5/2015 với nội dung Công ty cổ phần đầu tư công trình 32 và Công ty TNHH xây dựng tổng hợp P liên danh đề đấu thầu, thi công nhà máy nổ tại Quảng Bình.

7. 100.000.000đ do Hoàng Thị L giao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho ông Phan Ngọc T.

8. 03 tờ giấy giao nhận tiền với nội dung vào các ngày: 24/01/2017, 06/5/2017 và ngày 10/10/2017, Hoàng Thị L đã trả cho ông Phan Ngọc T tổng cộng 510.000.000 đồng.

9. 01 tờ giấy nộp tiền lập ngày 01/8/2017 với nội dung Hoàng Thị L chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 44.000.000đ.

10. 01 giấy nhận tiền lập ngày 11/02/2018 với nội dung ông Phan Ngọc T có nhận của Hoàng Thị L 50.000.000 đồng.

11. 01 bản sao giấy nộp tiền lập ngày 23/5/2018 với nội dung Hoàng Thị L chuyển vào tài khoản Nguyễn Thị Ngọc H (vợ ông T) số tiền 20.000.000 đồng.,

Về trách nhiệm dân sự: Hoàng Thị L đã trả lại cho ông Phan Ngọc T, tổng cộng số tiền 941.440.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng, L đã mượn của vợ ông T bà Nguyễn Thị Ngọc H để chi tiêu cá nhân và 110.000.000 đồng L đã trả trước cho ông T, nộp tại Cơ quan điều tra 100.000.000 đồng trước khi bị khởi tố). Phan Ngọc T đã trả cho Nguyễn Văn T1 số tiền 400.000.000 đồng (BL: 89 -90; 92-116, 326-328, 331 ; 338).

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: Hoàng Thị L 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo và các đương sự.

Ngày 10 /10/2019, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng Quyết định kháng nghị số 33/QĐ-VKS-VC2 đề nghị chuyển khung hình phạt và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị L.

Ngày 03 /10/2019, bị cáo Hoàng Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo (BL535). Ngày 14/10/2019, bị cáo L có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hoàng Thị L xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm về khoản tiền của Công ty X đưa cho ông T, ông T đưa cho bị cáo là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, chấp nhận Quyết định kháng nghị

tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị L; không chấp nhận kháng cáo và bổ sung kháng cáo của Hoàng Thị L. Sửa Bản án sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2013 cho đến năm 2015, Hoàng Thị L với thủ đoạn cho rằng mình có hiểu biết về các công trình, dự án giao thông và có các mối quan hệ rộng. Nên đã đưa ra những thông tin nhằm tạo lòng tin cho ông Phan Ngọc T và hứa sẽ xin được các công trình xây dựng giao thông cho Công ty V, nhưng sau khi nhận được tiền từ ông Phan Ngọc T - Giám đốc Công ty V, bị cáo L đã không xin được công trình nào mà còn chiếm đoạt số tiền của bị hại.

Với những hành vi nêu trên bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đưa ra xét xử về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với nội dung đề nghị Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng tuyên xử Hoàng Thị L theo Điểm a Khoản 4 Điều 139 BLHS năm 199 và tăng hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không đồng ý với nội dung Kháng nghị nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo L có hứa hẹn với vợ chồng ông Phan Ngọc T – Giám đốc Công ty V để xin các công trình xây dựng giao thông và nhận tiền của ông T các lần cụ thể như sau:

- Vào tháng 10 năm 2013 bị cáo L cho ông T biết là có công trình cho Công ty V thi công nên bảo ông T mang 100.000.000 đồng ra Hà Nội gặp L và L hứa sẽ dùng số tiền xin cho Công ty V 03 cầu bê tông và đường giao thông nhưng L không thực hiện như lời hứa và Công ty không nhận được công trình.

- Cuối năm 2013 bị cáo L tiếp tục hứa với công ty V về việc xin thi công mở rộng dự án Quốc lộ 1 đoạn Huế Lăng Cô nhưng với điều kiện công ty V phải liên kết với công ty khác để cùng liên doanh thi công. Thực hiện theo yêu cầu của L công ty V đã nhất trí bàn bạc thống nhất liên kết với Công ty X. Ông T1 là đại diện Công ty X đã bỏ 400.000.000 đồng tiền cá nhân của mình để đưa cho ông T đưa cho L. Ngày 4/12/2013 L đã nhận từ ông T 25.000.000 USD, tiếp tục ngày 24/12/2013 L nhận từ ông T 5.000 USD cùng với mục đích trên. Ngày

08/1/2014 ông T tiếp tục đưa cho L 10.000.000 USD ra Nghệ An gặp ông TRẦN Hữu H (Giám đốc Ban Quản lý dự án 4 Bộ Giao Thông vận tải) để xin làm thủ tục dự án Huế - Lăng Cô. Khi đến nơi L nói ông T ngồi ngoài chờ còn L nói mình vào gặp ông H. Vài tháng sau ông T và ông T1 mới biết dự án nêu trên đã được đơn vị khác trúng thầu và chuẩn bị thi công.

Như vậy tổng số tiền bị cáo L nhận của ông Phan Ngọc T là 100.000.000 đồng và 40.000.USD theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng Việt Nam với Đô la mỹ tại thời điểm bị cáo L nhận tiền là  $40.000 \text{ USD} \times 21.036\text{đ}/1\text{USD} = 814.440.000 \text{ Việt Nam đồng}$ . Tổng số tiền bị cáo L nhận là 914.440.000 đồng trong đó có 400.000.000 đồng ông T đã trả cho ông T1.

Kể từ khi đưa tiền cho L vào năm 2013 cho đến 10/5/2016 phía ông T vẫn không có công trình thi công theo hứa hẹn của L.

Ngày 10/5/2016 ông Phan Ngọc T có đơn tố giác tội phạm (BL07) gửi đến cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Quảng Bình tố giác hành vi của Hoàng Thị L.

Sau khi nhận được đơn tố giác của ông T cơ quan điều tra đã thực hiện việc xác minh, giải quyết tố giác tội phạm theo quy định (các bút lục từ 24 đến 35 và từ 119 đến 152). Tại các bản báo của Ban quản lý dự án 4 (BL27,29) và Ban quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh (Bl 31), Công ty Cổ phần công trình Viettheo – Chi nhánh Khu vực 2 (Bl 24). Điều khẳng định Công ty V và Công ty X không có công trình nào thi công thuộc diện quản lý của các đơn vị trên.

Tại bản tự khai ngày 23/5/2016 ông T cho rằng (Do nhận thấy mình bị bà L lừa đảo nên đã nhiều lần tìm gặp bà L đòi tiền. Tuy nhiên nay bà L vẫn chưa trả cho tôi tiền, do vậy tôi trình báo với cơ quan điều tra về hành vi lừa đảo của bà L, đề nghị xử lý đúng người đúng tội).

Tại bản tự khai ngày 19/9/2017 bị cáo L thừa nhận rằng: Việc tôi hứa tìm công trình cho anh T là do dựa vào niềm tin cá nhân của tôi, tôi không hiểu biết gì về các công trình, không có mối quan hệ thực chất để xin công trình, khi nhận tiền tôi không đưa hối lộ cho ai và đã chi phí tiêu sài hết số tiền nói trên.

Ngày 13/6/2017 Cơ quan điều tra công an tỉnh Quảng Bình có quyết định khởi tố vụ án hình sự số 07/KTVA- ANĐT.

[3]. Xét Thấy: Bị cáo L cho rằng mình có khả năng xin được công trình cho các doanh nghiệp nên có hành vi nhận tiền nhưng sau đó sử dụng vào mục đích cá nhân nên tội phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm nhận tiền. Số tiền bị cáo nhận tiền của ông T trong đó có tiền 400.000.000 đồng ông T nhận từ ông T1 (Sau này ông T phải trả ông T1 do không có công trình như thỏa thuận) nằm trong chuỗi các hành vi liên tục của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm tách khoản tiền

nêu trên ra để cho rằng bị cáo không chiếm đoạt số tiền mà ông T1 đưa cho ông T và ông T đã đưa cho bị cáo là không đúng. Trong vụ án này theo đơn tố giác của ông T thì xác định ông T là bị hại trong vụ án (ông T1 đã nhận đủ tiền của ông T). Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 400.000.000 đồng nêu trên do vậy bị cáo phạm tội theo khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ được chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định nêu trên xét thấy: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ được chấp nhận, đơn kháng cáo của bị cáo cũng như ý kiến của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là không có căn cứ được chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 để áp dụng xử phạt bị cáo. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bố, mẹ, chồng bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến, bị cáo được tặng nhiều Giấy khen trong quá trình công tác, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015). Ngoài ra bị cáo và gia đình đã khắc phục hoàn toàn số tiền cho bị hại, và được bị hại viết đơn xin bãi nại, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp chứng cứ thể hiện bị cáo đang bị bệnh tim mạch, bị cáo hiện nay đã 64 tuổi; Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị L. Chấp nhận kháng nghị số 33/QĐ-VKS-VC2 Ngày 10 /10/2019, của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: **Hoàng Thị L 07 (Bảy) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.



2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hoàng Thị L phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Quảng Bình;
- CQ CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Xuân Thành**